TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 02 năm 2022

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải;

2. Ông Phạm Văn Diễn.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXX-ST ngày 12/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn M, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Đức H1 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã C),

huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 24/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã C và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02/2021 đến nay, vợ chồng ly thân từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng không có con chung, hiện tại chị cũng không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Đức H1 vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Đức H2 (bố đẻ anh H1), địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức H1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng Chị H, anh H1 sống cùng gia đình ông. Quá trình chung sống vợ chồng Chị H, anh H1 có phát sinh mâu thuẫn. Chị H và anh H1 đã ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay. Về con chung: Chị H và anh H1 không có con chung. Về tài sản chung: Vợ chồng Chị H, anh H1 không có tài sản chung.

Anh H1 vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn T, xã C, huyện Quỳnh Phụ. Hiện nay anh H1 làm nghề lao động tự do tại Quảng Ninh nhưng thường xuyên về nhà và liên lạc với ông. Gia đình ông đã nhận được các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án giao cho anh H1 và thông báo cho anh H1 biết. Quan điểm của anh H1 về việc Chị H xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, anh H1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

- Tại biên bản xác minh với cơ sở Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức H1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C vào ngày 24/02/2018. Quá trình chung sống vợ chồng Chị H, anh H1 có mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2021 đến nay. Nay Chị H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị H và anh H1 không có con chung. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức H1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã C, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa… cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị H, anh H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 24/02/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay, không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Chị H đề nghị ly hôn nhưng anh H1 không trực tiếp đến trình bày quan điểm với Tòa án. Điều này chứng tỏ anh H1 không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H, anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H, xử cho chị được ly hôn anh H1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức H1 không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết, anh Nguyễn Đức H1 không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức H1.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức H1 không có con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* Chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0004552 ngày 06/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Đức H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã C, huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh